

BIỂU TỔNG HỢP
XÃ TRUNG VƯƠNG TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ THEO
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Báo cáo số 43 /BC - UBND ngày 08/5/2023 của UBND xã Trung Vương)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đã đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch			Đạt	Chỉ tiêu đã đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên			Đạt	Chỉ tiêu đã đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Chỉ tiêu đạt 95%. Đạt 100%. Các tuyến đường trục chính trên địa bàn xã, đường liên xã được bảo trì, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp; Có đủ các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, cây xanh...) theo quy định; Nhiều đoạn đường được trồng hoa, cây cảnh 2 bên tạo cảnh quan MT XSD đạt tỉ lệ trên 95%, còn một số đoạn đường vì đang trong quá trình thi công dự án nên chưa được sạch đẹp. (số km

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
						11,5km = 100%; số km ban đầu là 7,071km.)
		Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	100%	100%	Chỉ tiêu đạt. Đường giao thông liên thôn, liên khu có biển chỉ dẫn, đèn chiếu sáng, cây xanh và thường xuyên được vệ sinh xanh, sạch, đẹp đạt tỉ lệ 100% (số km 66,33km = 100%; số km ban đầu là 41,169km.)
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥90%	≥85%	≥85%	Chỉ tiêu đạt. Đường ngõ, xóm của 09 KDC được cứng hóa, có đèn chiếu sáng, thường xuyên vệ sinh xanh - sạch - đẹp tỉ lệ đạt 99%. (số km 13,35km = 100% = số km ban đầu)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥50%	Chỉ tiêu đạt ≥90%. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa tỉ lệ trên 90%, tuy nhiên liên quan đến các dự án trên địa bàn nên số km đường đang giảm dần.
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	≥90%	≥90%	Chỉ tiêu đạt 97,3%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100 % (tưới đủ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
						95/95ha) tuy nhiên còn 1 số khu vực nhỏ lẻ liên quan đến dự án đôi khi còn ách tắc, tiêu chậm.
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt. Có 01 Tổ thủy nông HTX, còn 03 Trạm bơm, (2 Trạm tưới, tiêu: Công Gôi và Đồng Xóm, 01 Trạm tiêu Đè Mới)
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥10%	Chỉ tiêu đạt 13,7%. Có một số hộ như ô.Thái K8 trồng hoa, phong lan, ươm cây giống, Một số hộ trồng hoa đào ở K9, K10...
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt Có Tổ thủy nông và 03 Trạm bơm hoạt động hiệu quả, thường xuyên định kỳ thời vụ nạo vét kênh mương tưới, tiêu đảm bảo.
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá	Khá	Chỉ tiêu đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥99%	≥98%	≥98%	Chỉ tiêu đạt 100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	100%	Đạt	Chỉ tiêu đạt 2 cấp học Mầm non, Tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, hiện đang trong quá trình xây dựng lên mức độ 2; riêng Trường THCS đến cuối năm 2022 cơ bản đã đảm bảo các tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt 100%
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Mức độ 3	Mức độ 3	Đạt Mức độ 3
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Mức độ 2	Mức độ 2	Đạt Mức độ 2
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Khá	Khá	Tốt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền ¹	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng xã hội hóa, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa từng dân tộc, lứa tuổi của học sinh		Đạt	Chỉ tiêu đạt Các Nhà trường có mô hình chuẩn theo quy định từng cấp học, hoạt động hiệu quả

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt Đã lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở nhiều điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.
		Đạt			Chỉ tiêu đạt Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đã được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.	
		100%			Chỉ tiêu đạt 100% 9/9 khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa hàng năm, đạt chuẩn NTM tỉ lệ 100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt Hiện không còn tụ điểm kinh doanh, họp chợ tự phát trên địa bàn; đã có các hộ gia đình SXNN, TTCN ứng dụng công nghệ, thương mại điện tử vào việc sản xuất và

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí	
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc			
						tiêu thụ sản phẩm.	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân			Đạt	Chỉ tiêu đạt	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh			Đạt	Chỉ tiêu đạt	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông			Đạt	Chỉ tiêu đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới			Đạt	Chỉ tiêu đạt	
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng: UBND xã, nhà văn hóa các khu dân cư trên địa bàn xã, điểm du lịch cộng đồng (nếu có)	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Chỉ tiêu đạt Đã và đang triển khai lắp đặt hệ thống mạng wifi miễn phí đồng bộ với việc triển khai mô hình camera an ninh ở một số NVH khu dân cư, một số điểm di tích LSVH trên địa bàn xã.		
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ²	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	≥ 90%	Chỉ tiêu đạt 99% Có 2763/2784 hộ = 99,24%.		
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥54	≥43	≥43	
			Năm 2022	≥58	≥47	48	48 triệu đồng/ người
			Năm 2023	≥62	≥51	≥51	

²Nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố phải đạt chỉ tiêu 3 cứng và các yêu cầu khác (Theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022), trong đó diện tích tối thiểu đạt từ 10m²/người trở lên.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí	
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc			
			Năm 2024	≥66	≥55	≥55	
			Năm 2025	≥70	≥59	≥59	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025				≤6%	Chỉ tiêu đạt Tỉ lệ hộ nghèo: 21/2784 = 0,75%
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥80%	≥75%	≥75%		Đạt trên 95%
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥30%	≥25%	≥25%		Đạt 42,3%
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥30%		Đạt 35%
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥1	≥1	Đạt		Chỉ tiêu đạt Hiện nay Hợp tác xã đã phối hợp với các hệ thống siêu thị như Big C, Vin mart trên địa bàn thành phố cung ứng sản phẩm OCOP mật ong hoa nhãn của địa phương đến người tiêu dùng trên địa bàn thành phố.
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt		Chỉ tiêu đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥1	≥1	≥1		Chỉ tiêu đạt
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt		Chỉ tiêu đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
		gốc các sản phẩm chủ lực của xã				
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử			≥10%	Chỉ tiêu đạt 15%
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng			Đạt	Chỉ tiêu đạt Vì địa phương hiện nay do các dự án công trình đang được Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng nên diện tích đất sản xuất đã sụt giảm mạnh nên không có nông sản chủ lực mà chỉ có một số khu vực manh mún, nhỏ lẻ tập trung kết hợp thả cá, trồng lúa, kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội			Đạt	Chỉ tiêu đạt Đã triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng blog, zalo, face book, thời gian tới xây dựng cổng TTĐT của địa phương.
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)			Đạt	Chỉ tiêu đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	≥95%	≥95%	Chỉ tiêu đạt 96,74%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	≥90%	≥90%	Chỉ tiêu đạt 100%
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	≥40%	≥40%	Chỉ tiêu đạt 45%
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥75%	≥70%	≥70%	Chỉ tiêu đạt 81,2%
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥1	≥1	≥1	Chỉ tiêu đạt. Có 9/9 KDC có Tổ hòa giải, trong đó có 03 mô hình điển hình là Khu 1, K8, K12; Đã và đang hoàn tất hồ sơ đề nghị công nhận 03 mô hình tiêu biểu trên trong quý 1 năm 2023.
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	≥90%	≥90%	Chỉ tiêu đạt 95%
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	≥90%	≥90%	Chỉ tiêu đạt 100%
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt. Vì địa phương không có cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản quy mô;

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
						khu kinh doanh đảm bảo hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	Chỉ tiêu đạt 100%
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥90%	≥80%	≥80%	Chỉ tiêu đạt 85%
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥40%	≥25%	≥25%	Chỉ tiêu đạt 85%
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	≥50%	≥50%	Chỉ tiêu đạt 88%
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	Chỉ tiêu đạt 100%
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	≥80%	≥80%	Chỉ tiêu đạt 91%
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	≥75%	≥75%	Chỉ tiêu đạt 87%
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%	≥5%	≥5%	Chỉ tiêu đạt 98%
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /người		≥4m ² /người	Chỉ tiêu đạt ≥4,1m²/người
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%	≥50%	≥50%	Chỉ tiêu đạt 98%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
				Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ³	Xã không thuộc khu vực III	≥55%	≥35%	≥35%	Chỉ tiêu đạt 100%
			Xã khu vực III		≥25%	≥25%	
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III	≥60 lít	≥60 lít	≥60 lít	Chỉ tiêu đạt Bình quân 125lít/người/24h
			Xã khu vực III		≥40 lít	≥40 lít	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III	≥35%	≥25%	≥25%	Chỉ tiêu đạt Vì trên địa bàn xã không có công trình cấp nước tập trung, chỉ có các đầu mối dẫn nước từ công trình về nhóm hộ gia đình hoạt động hiệu.
			Xã khu vực III		≥20%	≥20%	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm		100%	100%	100%	Tỉ lệ đạt 97% Hàng năm phối hợp với TTYTé TP tổ chức tập huấn cho 100% các

³Đối với khu vực có dân cư thưa thớt, phân bố không tập trung tại các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, mô hình cấp nước tập trung được áp dụng là: công trình cấp nước tập trung bằng hình thức tự chảy hoặc bơm dẫn; nguồn nước từ sông, ngòi, khe suối, hồ chứa nước thủy lợi hoặc nước ngầm; công nghệ lọc phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn 01-1:2018/BYT hoặc Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
						hộ, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (24 hộ, cơ sở) trên địa bàn xã định kỳ hàng năm.
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không	Không	Chỉ tiêu đạt Không có sự cố về an toàn thực phẩm.
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Chỉ tiêu đạt 100% Vì trên địa bàn không có cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm, thủy sản quy mô.
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥95%	≥80%	≥80%	Chỉ tiêu đạt 92%
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	100%	100%	Chỉ tiêu đạt 100% Vì trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, toàn bộ đã được đơn vị CT CPDVMT phân loại thu gom xử lý đảm bảo theo quy định.
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt Trên địa bàn xã đã có các cụm, điểm mô hình camera an ninh tại các khu dân cư, khu

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
		trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.				7, khu 6, khu 4, khu 9... Hiện địa phương đang triển khai cụm mô hình camera an ninh tại các điểm công cộng như NVH khu dân cư, ngã ba, ngã tư, nơi thường xuyên tập trung đông người.

BIỂU TỔNG HỢP
XÃ TRUNG VƯƠNG TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ THEO
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Báo cáo số 112/BC – UBND ngày 08/10/2022 của UBND xã Trung Vương)

Để cung cấp số liệu phục Đoàn Giám sát Ban Kinh tế xã hội, HĐND thành phố Việt Trì về việc xã Trung Vương triển khai xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn năm 2021 - 2025 trong năm qua (*từ tháng 10/2021 đến tháng 10 năm 2022*). UBND xã tự đánh giá việc thực hiện Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025 (*gồm 19 Tiêu chí với 75 chỉ tiêu*) cụ thể như sau:

Xã tự đánh giá đạt:**15/19** tiêu chí (chưa đạt Tiêu chí **5/ 8/ 13/ 19**); Đạt **70/75** chỉ tiêu (chưa đạt chỉ tiêu **5.1/8.5/13.1/13.6/19.2**)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg	Chỉ tiêu quy định của	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại
----	--------------	-------------------	------------------------------	-----------------------	---

			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc	tỉnh	xã trong năm qua
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đã đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch			Đạt	Chỉ tiêu đã đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên			Đạt	Chỉ tiêu đã đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Chỉ tiêu đạt 100%. Đạt 100%. Các tuyến đường trục chính trên địa bàn xã, đường liên xã được bảo trì, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp; Có đủ các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, cây xanh...) theo quy định; Nhiều đoạn đường được trồng hoa, cây cảnh 2 bên tạo cảnh quan MT XSD đạt tỉ lệ trên 95%, còn một số đoạn đường vì đang trong quá trình thi công dự án nên chưa được sạch đẹp. (số km 11,5km = 100%; số km ban đầu là 7,071km.)
		2.2. Tỷ lệ đường thôn,	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	100%	100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua
				Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
		bán, ấp và đường liên thôn, bán, ấp	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biên báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	thôn, liên khu có biển chỉ dẫn, đèn chiếu sáng, cây xanh và thường xuyên được vệ sinh xanh, sạch, đẹp đạt tỉ lệ 100% (số km 66,33km = 100%; số km ban đầu là 41,169km.)
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp		≥90%	≥85%	≥85%	Chỉ tiêu đạt 99%. Đường ngõ, xóm của 09 KDC được cứng hóa, có đèn chiếu sáng, thường xuyên vệ sinh xanh - sạch - đẹp tỉ lệ đạt 99%. (số km 13,35km = 100% = số km ban đầu)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa		UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥50%	Chỉ tiêu đạt ≥90%. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa tỉ lệ trên 90%, tuy nhiên liên quan đến các dự án trên địa bàn nên số km đường đang giảm dần.
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động		≥90%	≥90%	≥90%	Chỉ tiêu đạt 97,3%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100 % (tưới đủ 95/95ha) tuy nhiên còn 1 số khu vực nhỏ lẻ liên quan đến dự án đôi khi còn ách tắc, tiêu chậm.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt. Có 01 Tổ thủy nông HTX, còn 03 Trạm bơm, (2 Trạm tưới, tiêu: Công Gôi và Đồng Xóm, 01 Trạm tiêu Đè Mới)
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥10%	Chỉ tiêu đạt 13,7%. Có một số hộ như ô.Thái K8 trồng hoa, phong lan, ươm cây giống, Một số hộ trồng hoa đào ở K9, K10...
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt Có Tổ thủy nông và 03 Trạm bơm hoạt động hiệu quả, thường xuyên định kỳ thời vụ nạo vét kênh mương tưới, tiêu đảm bảo.
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá	Khá	Chỉ tiêu đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥99%	≥98%	≥98%	Chỉ tiêu đạt 100%
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	100%	Chưa đạt	Chỉ tiêu chưa đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt 100%
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Mức độ 3	Mức độ 3	Đạt Mức độ 3
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Mức độ 2	Mức độ 2	Đạt Mức độ 2
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Khá	Khá	Tốt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền ⁴	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng xã hội hóa, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa từng dân tộc, lứa tuổi của học sinh		Đạt	Chỉ tiêu đạt Các Nhà trường có mô hình chuẩn theo quy định từng cấp học, hoạt động hiệu quả
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt Đã lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở nhiều điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên
		Đạt			Chỉ tiêu đạt Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đã được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ,	

⁴ Mô hình giáo dục thể chất phải đáp ứng: có các thiết bị, cơ sở vật chất tối thiểu phục vụ học sinh tham gia rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền trong hoạt động giáo dục thể chất trường học và phục vụ các hoạt động thể thao theo hình thức câu lạc bộ phù hợp với điều kiện của đơn vị.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
						tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới			100%	Chỉ tiêu đạt 100% 9/9 khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa hàng năm, đạt chuẩn NTM tỉ lệ 100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt Hiện không còn tụ điểm kinh doanh, họp chợ tự phát trên địa bàn; đã có các hộ gia đình SXNN, TTCN ứng dụng công nghệ, thương mại điện tử vào việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân			Đạt	Chỉ tiêu đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh			Đạt	Chỉ tiêu đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông			Đạt	Chỉ tiêu đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới			Đạt	Chỉ tiêu đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng: UBND xã, nhà văn hóa các khu dân cư trên địa bàn xã, điểm du lịch cộng đồng (nếu có)	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu chưa đạt Chưa có mạng wifi miễn phí ở NVH khu dân cư, các điểm di tích LSVH, điểm du lịch.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua
				Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ⁵		UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥ 90%	Chỉ tiêu đạt 99% Có 2763/2784 hộ = 99,24%.
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥54	≥43	≥43	
			Năm 2022	≥58	≥47	48	48 triệu đồng/ người
			Năm 2023	≥62	≥51	≥51	
			Năm 2024	≥66	≥55	≥55	
			Năm 2025	≥70	≥59	≥59	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025				≤6%	Chỉ tiêu đạt Tỉ lệ hộ nghèo: 21/2784 = 0,75%
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥80%	≥75%	≥75%	Đạt trên 95%
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥30%	≥25%	≥25%	Đạt 42,3%
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn		UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		≥30%	Đạt 35%
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định		≥1	≥1	Đạt	Chỉ tiêu chưa đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn		UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt

⁵Nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố phải đạt chỉ tiêu 3 cứng và các yêu cầu khác (Theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022), trong đó diện tích tối thiểu đạt từ 10m²/người trở lên.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥1	≥1	≥1	Chỉ tiêu đạt
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử			≥10%	Chỉ tiêu đạt 15%
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng			Chưa đạt	Chỉ tiêu chưa đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội			Đạt	Chỉ tiêu đạt Đã triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng blog, zalo, face book, thời gian tới xây dựng cổng TTĐT của địa phương.
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)			Đạt	Chỉ tiêu đạt
		14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)			≥95%	≥95%
14	Y tế	14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	≥90%	≥90%	Chỉ tiêu đạt 100%
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	≥40%	≥40%	Chỉ tiêu đạt 45%
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥75%	≥70%	≥70%	Chỉ tiêu đạt 81,2%
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥1	≥1	≥1	Chỉ tiêu cơ bản đạt. Có 9/9 KDC có Tổ hòa giải, trong đó có 03 mô hình điển hình là Khu 1, K8, K12; nhưng hiện nay địa phương chưa hoàn tất hồ sơ đề nghị công nhận 03 mô hình tiêu biểu trên.
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	≥90%	≥90%	Chỉ tiêu đạt 95%
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	≥90%	≥90%	Chỉ tiêu đạt 100%
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Chỉ tiêu đạt. Vì địa phương không có cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản quy mô; khu kinh doanh đảm bảo hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	Chỉ tiêu đạt 100%
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥90%	≥80%	≥80%	Chỉ tiêu đạt 85%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua	
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc			
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥40%	≥25%	≥25%	Chỉ tiêu đạt 85%	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	≥50%	≥50%	Chỉ tiêu đạt 88%	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	Chỉ tiêu đạt 100%	
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	≥80%	≥80%	Chỉ tiêu đạt 91%	
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	≥75%	≥75%	Chỉ tiêu đạt 87%	
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt	
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%	≥5%	≥5%	Chỉ tiêu đạt 98%	
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /người		≥4m ² /người	Chỉ tiêu đạt ≥4,1m ² /người	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%	≥50%	≥50%	Chỉ tiêu đạt 98%	
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ⁶	Xã không thuộc khu vực III		≥35%	≥35%	Chỉ tiêu đạt 100%
		Xã khu vực III	≥55%	≥25%	≥25%		

⁶Đối với khu vực có dân cư thưa thớt, phân bố không tập trung tại các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, mô hình cấp nước tập trung được áp dụng là: công trình cấp nước tập trung bằng hình thức tự chảy hoặc bơm dẫn; nguồn nước từ sông, ngòi, khe suối, hồ chứa nước thủy lợi hoặc nước ngầm; công

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua
				Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
	18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III	≥60 lít	≥60 lít	≥60 lít	Chỉ tiêu đạt Bình quân 125lít/người/24h	
		Xã khu vực III		≥40 lít	≥40 lít		
	18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III	≥35%	≥25%	≥25%	Chỉ tiêu đạt Vì trên địa bàn xã không có công trình cấp nước tập trung, chỉ có các đầu mối dẫn nước từ công trình về nhóm hộ gia đình hoạt động hiệu.	
		Xã khu vực III		≥20%	≥20%		
	18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm		100%	100%	100%	Tỉ lệ đạt 97% Vừa phối hợp với TTYT& TP tổ chức tập huấn cho 21/21 hộ trên địa bàn xã vào ngày 14/9/2022 cùng với 79 hộ của đơn vị Thanh Miếu, Sông Lô tại Hội trường xã Trung Vương	
18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã		Không	Không	Không	Chỉ tiêu đạt Không có sự cố về an toàn thực phẩm.		

nghệ lọc phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch theo Quy chuẩn 01-1:2018/BYT hoặc Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Theo Quyết định 318/QĐ - TTg		Chỉ tiêu quy định của tỉnh	Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí tại xã trong năm qua
			Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu khu vực Trung du miền núi phía Bắc		
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		100%	Chỉ tiêu đạt 100% Vì trên địa bàn không có cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm, thủy sản quy mô.
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥95%	≥80%	≥80%	Chỉ tiêu đạt 92%
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	100%	100%	Chỉ tiêu đạt 100% Vì trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, toàn bộ đã được đơn vị CT CPDVTM phân loại thu gom xử lý đảm bảo theo quy định.
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể		Đạt	Chỉ tiêu chưa đạt Vì trên địa bàn xã chưa có mô hình camera an ninh